

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+P11+TTC1	7:25	20+0+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	chuyen 1 p9-p11
2		VSP02+TD3+BK10	7:25	7+13+0	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
3		P10+BK19+TD5	7:25	3+1+16	0+0+0		0+0+12	0+0+0	
4		AMD+TGTH4+HSD	7:25	13+8+0	0+0+0		13+5+1	0+0+0	chuyen 40kg Amd-h4
5		TD2+TD1+PVD8	9:25	0+0+20	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 2 TD2-TD1
6		VSP01+P4+P8	9:25	22+0+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	chuyen 1 p4-p8
7		MRRM+PVD8	9:25	7+13	0+0		7+13	0+0	
8		T.UNG	11:25	17	0		16	0	
9		MRRM+P9+TGTH5	11:25	5+7+5	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
10		RC5+RP1+VSP01	11:25	10+0+10	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
11		TGTH1+AMD+P3	12:25	2+13+0	0+0+0		1+11+2	0+0+0	ec225

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P9-3ng, MRRM-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: xanh-1	TO: P9 - P11 - TTC1	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4698	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MAI NAM	P9						79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ HỮU HUY TŨ	P9	63	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
3	LŨU VIỆT DŨNG	P9						83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THỊ	P9	45-46	2	17			66	THIÊN NAM	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC TIỀN	P9	44	1	13			71	THIÊN NAM	Vietnamese
6	DOAN HỮU TRUYỀN	P9	60	1	10			57	THIÊN NAM	Vietnamese
7	VŨ THANH SƠN	P9	48-49	2	20			63	THIÊN NAM	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐẠI	P9	61	1	8	4	70	71	THIÊN NAM	Vietnamese
9	ĐÀO HỮU HAO	P9	47	1	9			66	THIÊN NAM	Vietnamese
10	NGUYỄN TẤT PHONG	P9	56-57	2	13			74	THIÊN NAM	Vietnamese
11	NGUYỄN NGHĨA TƯỜNG	P9	42	1	8			72	THIÊN NAM	Vietnamese
12	VŨ VĂN CHUNG	P9	64	1	12			64	THIÊN NAM	Vietnamese
13	NGUYỄN THẮNG	P9	53	1	6	1	18	63	THIÊN NAM	Vietnamese
14	VŨ HẢI TRIỀU	P9	50	1	13			75	THIÊN NAM	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC TUẤN	P9	51	1	9			77	THIÊN NAM	Vietnamese
16	LÊ VĂN QUÂN	P9	43	1	5			65	THIÊN NAM	Vietnamese
17	PHẠM VĂN CƯỜNG	P9	65	1	5			65	THIÊN NAM	Vietnamese
18	PHẠM HOÀNG ĐẠT	P9	54-55	2	8			85	THIÊN NAM	Vietnamese
19	TRẦN HUY ANH	P9	58	1	8	1	16	93	XAYLAP	Vietnamese
20	LŨƠNG XUÂN QUANG	P9	62	1	17			55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	20	1.418	22	185	6	104	13	7	CHUYEN 01 PAX TU P9 - P11
2	P11	0	0	0	0	0	0	7		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.418	22	185	6	104	22		
WEIGHT KG			1.418		185		104			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: VSP02 - TD3 - BK10	CREW: VIỆT - CHIẾN - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4701	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	54	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TUẤN ANH	VSP02	93	1	8			65	BA SON	Vietnamese
3	ĐÌNH HOANG LONG	VSP02	51	1	12			73	BA SON	Vietnamese
4	PHAN VĂN THANH	VSP02	96	1	11	2	19	53	BA SON	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐĂNG	VSP02	52-53	2	13			53	BA SON	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH HẠO	VSP02	97-98	2	12			59	BA SON	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	93	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ DUY CHINH	TD3	90	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
9	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	96-97	2	14			91	KHOAN	Vietnamese
10	BUI CÔNG SƠN	TD3	88	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN LÝ	TD3	84	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TRƯỞNG ANH	TD3	89	1	3	5	90	91	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ KIẾN TRUNG	TD3	83	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	86	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
15	BUI XUÂN CƯỜNG	TD3	94-95	2	13			63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO HOANG	TD3	92	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	91	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	87	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN NHỰT TRƯỜNG	TD3	85	1	4			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	6	380	8	63	2	19	2		
2	TD3	13	968	15	93	5	90	19		
3	BK10	0	0	0	0	2	25	1		
TOTAL		19	1.348	23	156	9	134	22		
WEIGHT KG			1.348		156		134			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: P10 - BK19 - TD5	CREW: LHAİ - T.HIẾU - TDUNG	ETA: 10:05
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4706	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN THI NGAN ANH	P10	50	1	4			47	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO DUC HAI	P10	51	1	5	1	19	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HIEN	P10	49	1	6			51	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HIEU	BK19	98	1	6	4	60	63	DK9	Vietnamese
5	DO VAN HUNG	TD5	21	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
6	BAO NGUYEN LOC	TD5	29	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN HIEN	TD5	22	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN LUAN	TD5	26	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI QUY	TD5	24	1	15			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NHU DUNG	TD5	30	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HIEU	TD5	25	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	36	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
13	HA VAN PHUC	TD5	31	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	23	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
15	DUONG QUOC VIET	TD5	35	1	10			84	KHOAN	Vietnamese
16	RIZKI AKHWAN	TD5	27-28	2	20	3	55	83	BAKER HUC	Indonesian
17	BURHANUDDIN ABD GHANI	TD5	32	1	7	1	17	66	BAKER HUC	Malaysian
18	DO GIA LUONG	TD5	34	1	11			107	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	3	173	3	15	1	19	0		
2	BK19	1	63	1	6	4	60	0		
3	TD5	14	1.063	15	114	4	72	10		
TOTAL		18	1.299	19	135	9	151	10		
WEIGHT KG			1.299		135		151			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

Nguyen Thi Hang

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LUU THANH HAI
LE TRUNG HIEU



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: AMD - TGTH4 - HSD	CREW: HUNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM25/4704		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGOC CHIEN	AMD	93-94	2	12	3	31	80	ABS	Vietnamese
2	DUONG CHI PHONG	AMD	91	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUNG	AMD	95-96	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	AMD	89	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	88	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	VU MANH HA	AMD	01-03	3	20			85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGHIA	AMD	99	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN QUAN	AMD	97	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN QUANG	AMD	90	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HUU DANG	AMD	86	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	AMD	87	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN ĐỨC TRUNG	AMD	98	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUNG	AMD	92	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SY DUC	TGTH4	09-10	2	14	2	35	100	HLJOC	Vietnamese
15	LE MINH THUAN	TGTH4	05-06	2	8			69	HLJOC	Vietnamese
16	LUONG GIANG NAM	TGTH4	07-08	2	9			65	HLJOC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MINH	TGTH4	11-12	2	19	1	6	79	MIEN NAM	Vietnamese
18	ĐINH XUAN TOAN	TGTH4	14-16	3	20			63	MIEN NAM	Vietnamese
19	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	04	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TU	TGTH4	03	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐINH CU	TGTH4	01-02	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	13	939	17	94	3	31	14	40K	CHUYEN 40KG HANG AMD-TGTH4
2	TGTH4	8	603	15	106	3	41	5		
3	HSD	0	0	0	0	2	27	1		
TOTAL		21	1.542	32	200	8	99	20		
WEIGHT KG			1.542		200		99			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: TD2 - TD1 - PVD8	CREW: VTHANG - HTRUNG - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4699	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM QUANG VINH	PVD8	37-38	2	15	1	11	64	PVD LOGG	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUONG	PVD8	41	1	5			87	HALLIBUR	Vietnamese
3	TRAN VU QUYNH	PVD8	36	1	3			84	DNV	Vietnamese
4	ĐAM BA HUNG	PVD8	33	1	10			71	PVD DD	Vietnamese
5	HOANG TRONG CHUC	PVD8	34	1	7			73	PVD DD	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN PHUC	PVD8	54	1	4			80	PVD DD	Vietnamese
7	HAMALAINEN LAURI TOPIAS	PVD8	39-40	2	18			88	FRICTAPE	Finland
8	PHAM VAN ĐO	PVD8	44-45	2	18			65	PSV	Vietnamese
9	ĐAO VAN TIEN	PVD8	43	1	6			60	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG GIANG	PVD8	35	1	6			54	PSV	Vietnamese
11	TRAN QUOC HOANG	PVD8	55	1	9			95	PVDO	Vietnamese
12	TRAN XUAN ANH	PVD8	53	1	3			56	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	PVD8	49	1	5			71	PVDO	Vietnamese
14	HỒ HOANG ANH	PVD8	52	1	8			87	PVDO	Vietnamese
15	TRẦN NGON QUANG HUY	PVD8	50	1	4			78	PVDO	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH THIEN	PVD8	51	1	3			82	PVDO	Vietnamese
17	VÔ VĂN CHÍNH	PVD8	48,48	2	9			70	PVDO	Vietnamese
18	LƯƠNG TÂN SANG	PVD8	60	1	7			72	PVDO	Vietnamese
19	TRẦN DUY LINH	PVD8	58-59	2	12			81	PVDO	Vietnamese
20	VŨ VĂN TANG	PVD8	56-57	2	9			65	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	0	0	0	0	1	20	0	0	CHUYEN 2 PAX TD2-TD1
2	TD1	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	PVD8	20	1.483	26	161	1	11	21		
TOTAL		20	1.483	26	161	2	31	21		
WEIGHT KG			1.483		161		31			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: VSP01 - P4 - P8	CREW: VIỆT - CHIẾN - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4702	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRUBOCHKIN A.A	VSP01	62-63	2	7	3	45	80	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY A.A	VSP01	64-65	2	15			93	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	72	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HẢI HÀ	VSP01	70-71	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	57	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01						62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	79	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP01	75	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	VSP01	58-59	2	14			73	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	60-61	2	16			87	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG HÀ	VSP01	73	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	54	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	66	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH LỢI	VSP01	55	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	74	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH TUẤN	VSP01	67	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01						73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	56	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TRẦN BÌNH	VSP01	68-69	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	53	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			PAX	CARGO
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	22	1.635	24	160	3	45	16		
2	P4	0	0	0	0	1	10	5+1	CHUYỂN 1 PAX P4-P8	
3	P8	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.635	24	160	4	55	21		
WEIGHT KG			1.635		160		55			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: NAU-2	TO:MRM - PVD8	CREW: HUNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07	VNHS FLIGHT: TM25/4705		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DMITRII KONDRATOV	MRM	34	1	9			117	HALLIBUR	Russian
2	VÕ MINH LUAN	MRM						70	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	MRM						81	DVL	Vietnamese
4	CAO HỒNG HUYNH	MRM						89	DVL	Vietnamese
5	ĐẬU VĂN HUẤN	MRM						64	DVL	Vietnamese
6	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	35	1	9			59	DVL	Vietnamese
7	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	36	1	10	1	13	90	AMNGR	Russian
8	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	PVD8	95	1	7			62	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC CƯỜNG*	PVD8	97	1	7			68	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN TRẦN VINH	PVD8	96	1	6			72	PVDO	Vietnamese
11	ĐẶNG THẾ ANH	PVD8	78-79	2	20			68	NIPI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOÀN	PVD8	92-93	2	16	1	13	64	PVDWS	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	PVD8	94	1	12	1	20	76	PVDWS	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MẠNH	PVD8	90-91	2	13			74	PVDWS	Vietnamese
15	TÔ TRỊNH ĐỨC	PVD8	98	1	8			77	PVDO	Vietnamese
16	HOANG VĂN BA	PVD8	82-83	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN CAO TRI	PVD8	88-89	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ TIẾN MẠNH	PVD8	86-87	2	18			80	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HỒNG QUÂN	PVD8	84-85	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
20	LUƠNG THẾ HIẾN	PVD8	80-81	2	20			68	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	7	570	3	28	1	13	7		THAO 2GHE CHO HANG VE TU MRM < 200 kg >
2	PVD8	13	917	21	180	2	33	13		
TOTAL		20	1.487	24	208	3	46	20		
WEIGHT KG			1.487		208		46			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG	CREW: MMINH - TTRUNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4693	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE HONG QUANG	T.UNG	53-55	3	19			75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HONG SON	T.UNG	57	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH TUAN	T.UNG	68	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
4	DO THANH TUNG	T.UNG	71-72	2	11	6	107	93	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DA KHA	T.UNG	69-70	2	16			89	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN THONG	T.UNG	56	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
7	LE XUAN DAT	T.UNG	60-61	2	18			83	KH-THAC	Vietnamese
8	DO VAN CUONG	T.UNG						69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN SON	T.UNG	66	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DAN	T.UNG						65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUY DU	T.UNG	51-52	2	8			98	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	64	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUC SUNG	T.UNG	65	1	9			53	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU DUC NGUU	T.UNG	62-63	2	9			66	GETRACO	Vietnamese
15	VU DUY PHUONG	T.UNG						61	GETRACO	Vietnamese
16	NGO KIM LAM	T.UNG	67	1	15			70	CODIEN	Vietnamese
17	PHAM VAN HUAN	T.UNG	58-59	2	16			62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.207	22	148	6	107	16		
TOTAL		17	1.207	22	148	6	107	16		
WEIGHT KG			1.207		148		107			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

NGUYEN THI HANG

MÂU MẠNH MINH
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO:MRM - P9 - TGTH5	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4700	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SOLOVEV MIKHAIL	MRM	99,300	2	9			79	AMHFP	Russian
2	TRẦN NGỌC HÙNG	MRM	97-98	2	14			70	AMHFP	Vietnamese
3	PHẠM TRẦN ANH TUẤN	MRM	95-96	2	20			72	AMHFP	Vietnamese
4	LE THANH TÙNG	MRM	93-94	2	11			81	AMHFP	Vietnamese
5	PHẠM THANH HÀ	MRM	91-92	2	20			65	AMHFP	Vietnamese
6	HOANG QUANG HUNG	P9	75	1	8	1	16	73	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH VĂN QUANG	P9	85	1	9			57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	P9	83-84	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC PHÚC	P9	78-79	2	17			90	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	P9	82	1	11	1	17	63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THANH NGÀ	P9	76-77	2	19			89	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI NGOC HOANG	P9	80	1	20			63	XAYLAP	Vietnamese
13	DO VAN THAO	TGTH5	56	1	7	2	34	68	HLJOC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	55	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	61	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KHANH	TGTH5	57-58	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC TOÀN	TGTH5	59-60	2	7			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	5	367	10	74	0	0	7		
2	P9	7	508	10	104	2	33	10		
3	TGTH5	5	342	7	37	2	34	5		
TOTAL		17	1.217	27	215	4	67	22		
WEIGHT KG			1.217		215		67			

GRAND TOAL: 1.499 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ THU HƯƠNG

NGÔ VĂN THẮNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: RC5 - RP1 - VSP01	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4703	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ QUỐC THANH	RC5	16-17	2	23			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÍNH	RC5	18-19	2	24			70	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ PHÚC HOANG	RC5	22	1	16			87	XAYLAP	Vietnamese
4	LUÔNG VĂN LÊN	RC5	20-21	2	21	4	70	70	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU VĂN LƯỢNG	RC5	23	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LUYỆN	RC5	60-61	2	16			74	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN DƯƠNG	RC5	62-63	2	15			79	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN BA LƯU	RC5	58-59	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN THANH HÀ	VSP01	06-07	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	11	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUYẾN	VSP01	02	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THƯỢNG HẢI	VSP01	03	1	2			51	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HẢI ĐĂNG	VSP01	09-10	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	12-13	2	9			60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	08	1	7			87	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	04	1	9			69	PSV	Vietnamese
17	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	05	1	3			66	PSV	Vietnamese
18	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	01	1	10			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	8	590	14	145	4	70	0		
2	RP1	0	0	0	0	1	2	3		
3	VSP01	10	677	13	77	0	0	18		
TOTAL		18	1.267	27	222	5	72	21		
WEIGHT KG			1.267		222		72			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: VANG-3	TO: TGTH1 - AMD - P3	CREW: ĐTRUNG - MẠNH	ETA: 13:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4691	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH1	85	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN HOÀ	TGTH1	83-84	2	10			73	PSV	Vietnamese
3	LÊ HỒNG THAI	AMD	07	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	14	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	11-12	2	19			67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VĂN THAI	AMD	08	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	15	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	10	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO THANH VŨ	AMD	09	1	3			57	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	600	1	6	1	10	66	PSV	Vietnamese
11	LÊ NHU HÙNG	AMD	16	1	10			57	PHATECO	Vietnamese
12	HỒ VĂN BÌNH	AMD	17	1	10			64	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	AMD	20	1	8			68	PHATECO	Vietnamese
14	VŨ NGỌC CHINH	AMD	19	1	10			54	PHATECO	Vietnamese
15	ĐÀO MINH TUẤN	AMD	13	1	6			92	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO DUY LUNG*	P3	45	1	7	3	50	59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	2	129	3	17	0	0	1		
2	AMD	13	860	14	102	1	10	16		
3	P3	1	59	1	7	3	50	2		
TOTAL		16	1.048	18	126	4	60	19		
WEIGHT KG			1.048		126		60			

GRAND TOAL: 1.234 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

ĐẶNG NGỌC MẠNH